



Tìm hiểu hai vị tổ chùa Phúc Lâm (Dư Hàng) qua tư liệu bia tháp

ISSN: 2734-9195

08:05 09/03/2026

Qua nội dung 2 bia tháp (Liên Phương tháp và Diệu Nghiêm tháp) của hai vị Tổ tại chùa Phúc Lâm (Dư Hàng), ngoài việc làm rõ hành trạng của Tổ ra còn giúp hiểu thêm về những triết lý của Phật giáo được truyền lại qua văn bia.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyến (1) - Vũ Thanh Hà (2)**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 03/2026

1. Giới thiệu về chùa Phúc Lâm (Dư Hàng)

Chùa Phúc Lâm thường gọi là chùa Dư Hàng, hay chùa Hàng, tọa lạc ở số 121 phố Chùa Hàng, Hải Phòng. Chùa là chốn tổ lớn của sơn môn Lâm Tế, căn cứ vào tài liệu ghi chép, bia ký thì chùa Phúc Lâm có lịch sử hình thành từ thời Tiền Lê (980 - 1009). Buổi đầu, chùa chỉ là một thảo am, cuối triều vua Lê Đại Hành có vị sư tổ đến đây thuyết pháp, khai sáng giáo lý nhà Phật. Đến thời Trần, có vị Thánh tổ thuộc **thiền phái Trúc Lâm** thường xuyên lui tới.



Văn bia tháp Liên Phương

Từ xưa đến nay, chùa Dư Hàng vẫn thường xuyên tổ chức lễ húy nhật vị cho hai vị sư tổ là: Đệ nhất Điều Ngự Giác Hoàng Tịnh Tuệ thiền sư Trần Nhân Tông vào ngày 2/11 Âm lịch và Đệ tam tổ Huyền Quang (Lý Đạo Tái) vào ngày 23 tháng Giêng Âm lịch. Đến đời vua Lê Gia Tông (1672), sư trụ trì Nguyễn Đình Sách (tự là Chân Huyền) phát tâm quyên góp gia tài mua thêm đất ruộng tư ở ba nơi lân cận chùa, tất cả là 2 mẫu 2 sào 4 khẩu giá tiền là 440 quan. Cộng với đất mà tiền nhân để lại tổng cộng là 2 mẫu 5 sào 4 khẩu, bốn phía bên ngoài đều trồng trúc bao bọc. Lại trùng tu chùa gồm 3 gian Thượng điện, 5 gian Tiền đường, 3 gian gác chuông, 3 gian Tổ đường, 3 gian Hậu đường, 7 gian Tăng đường. Từ đó trở đi, dù trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, ngôi chùa nhiều lần được trùng tu tôn tạo, quy mô trở nên bề thế. Cũng theo văn bia Phúc Lâm tự/ Thiên đài trụ/Tín thí/Công đức [tb 11225/11226/11227/11228] hiện còn lưu tại chùa cho biết, năm 1678, Thiền sư trụ trì Nguyễn Đình Sách tên tự Chân Huyền Văn, đạo

hiệu Minh Tông lão tăng đứng ra hưng công trùng tu mái ngói Thượng điện, lò Thiêu hương, Tiền đường, Hậu đường, tả hữu hành lang, áp giai, hậu đình, làm lại 3 tòa án tiền và thếp vàng, tô đắp tượng Phật ở các tòa trong ngoài. Làm lại 7 con đường lát đá nối liền nhau. Tiếp đó, lại hưng công xây thêm đá Thượng điện, bậc đá cùng lập bia ghi công đức trụ đá Thiên đài và trồng các giống cây ra hoa.

Văn bia Sùng tu Phúc Lâm tín thí [tb 11231/11232] cho biết, có ông họ Nguyễn người xã Đường Sơn, huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn tu sửa chùa Phúc Lâm và Tam Thánh, nhận 1.000 quan tiền đến Quảng Yên mua gỗ lim, kết lại thành bè mà chuyển về tu sửa chùa. Trong ba năm mua ba bè gỗ, mỗi bè giá 1.000 quan đem về xây mới chùa. Quá trình trùng tu được tiến hành từ đời vua Minh Mạng thứ 20 (1839) trải qua đời vua Thiệu Trị, đến đời vua Tự Đức thứ 15 (1861), cộng tính các loại tiền hết 3 vạn 1.530 quan tiền. Bản chùa được các vị hội chủ thập phương cúng dường hưng công tổng cộng 3.010 quan tiền.

Nối tiếp sự nghiệp của chư tổ trong việc gìn giữ và xây dựng ngôi chùa, Hòa thượng Thích Quảng Tùng - đương kim trụ trì cùng tăng ni phật tử, đàn na tín thí nhiều lần trùng tu tôn tạo các hạng mục, giúp cho ngôi chùa ngày càng khang trang, là trung tâm Phật giáo lớn của xứ Đông.

2. Giới thiệu vườn tháp và văn bia tháp tổ

Trong chùa hiện có 2 khu vườn tháp, khu trước Tam quan nội và khu bên trái Tam quan nội. Từ Tam quan ngoại đi thẳng vào, qua khoảng sân nhỏ là đến khu tháp, ở đây có hai ngôi tháp đá. Bên tay phải là tháp Liên Phương, bên tay trái là tháp Sinh Tịnh.

Tháp Sinh Tịnh thờ Tổ Nguyễn Đình Sách tên tự Chân Huyền, Văn Đạo Minh Sùng tôn sư. Tháp xây bằng gạch, cao 3 tầng theo kiểu giạt cấp, có kích thước tương tự tháp Liên Phương, không trang trí hoa văn, đỉnh tháp trang trí bông hoa sen nở 3 lớp cánh. Theo bia Thiên đài trụ dựng năm Vĩnh Trị thứ 3 (1678), triều vua Lê Gia Tông có quan Đại lý tự Tụ thừa Nguyễn Đình Sách tên chữ là Chân Huyền người bản xã, khoảng năm 1672 - 1673 đã tiến hành trùng tu chùa. Văn bia bài vị tháp ghi: 恭惟尊師光進榮祿大夫水 軍????大理寺寺丞????縣仕阮廷策 字真玄文道明崇老僧禪師安位

Cung duy tôn sư Quang tiến Vinh lộc Đại phu Thủy quân vệ, Đại lý tự Tụ thừa, Trùm huyện sĩ Nguyễn Đình Sách, tự Chân Huyền Văn Đạo Minh Sùng lão tăng Thiền sư an vị (Kính dâng tôn sư Quang tiến Vinh lộc Đại phu Thủy quân vệ, Đại lý tự Tụ thừa, Trùm huyện sĩ Nguyễn Đình Sách, tên tự Chân Huyền Văn Đạo

Minh Sùng lão tăng Thiền sư).

Tháp Liên Phương 蓮芳塔 thờ Tổ tên tự Hải Ngọc, pháp hiệu Tuệ Khả Thích Cảnh Cảnh thiền sư. Tháp xây bằng đá, cao 3 tầng theo kiểu giạt cấp, chiều cao 4,20cm. Tầng 1, hình chữ nhật, có kích thước mặt trước 116cm x 109cm; tầng 2 và tầng 3 có kích thước lần lượt là 101cm x 91cm. Tháp được xây dựng bằng đá thô không mài nhẵn mặt, không trang trí hoa văn, đỉnh tháp trang trí bông hoa sen nở 3 lớp cánh. Văn bia bài vị tháp ghi:

南無圓證摩訶菩薩 戒比丘字海正號慧可神位 Nam mô Viên Chứng Ma ha Bồ tát giới Tỷ khiêu tự Hải Chính, hiệu Tuệ Khả thần vị (Kính lễ thần vị của Viên Chứng Ma ha Bồ tát giới Tỷ khiêu tên tự Hải Chính, tên hiệu Tuệ Khả).

Mặt sau tháp Liên Phương có bài văn bia ghi lại công tích, hành trạng của tiền sư Hải Chính như sau:

嗣德貳拾五年歲次壬申貳月 初吉日立石塔碑記

嘗聞：至道無言，真身無相□ 應言如石裏音宣□ 顯相似雲形 影現□ 欲存厚道建此堵波□ 以酌師德法乳恩深；以表出家真修 淨行耳□

梵語萃堵波□ 此方云塔□ 夫 塔者□ 名標南越□ 德掛乾坤□

報佛恩□ 戒淨慧圓明□ 臨濟 金烏如現影(形)□ 承祖師明印 匡徒領眾□ 耆頤玉兔世生蓮□

幾千載施張梵網□ 使善人趨 向于慈門□

億萬秋讚誦金言□ 接淨眾直 登于寶所□

昇法座優曇現瑞□ 入靈宮頑 石抵頭□ 同僚推讓上座□ 諸佛 授傳寶印□

大藏會上□ 親為代經主當 辰□ 弥陀經中□ 目分作証刊此 息世□

染居中福林行道□ 果証一 乘□ 止塵緣般上濕槃□ 位登十 地□

宣玉偈聲遙四海□ 唱木叉義 振三千□

十方乍咱連皈依□ 七眾終聞 來受教□

靈符妙用□ 持咒不忘□ 功無 漏缺□ 福不唐捐□ 永鑿千秋□ 留傳萬代並乾坤于不朽□ 對日月以長明云尔□

其為銘曰：

山陶引脈

水地筆神

崇山阮子

捨妄歸真

無生指位

性靜懷憐

行從迦葉

戒稟能仁

邇遐共仰

真俗道親

娑婆教主

極樂容身

法傳奉法

恩受洪恩

尊師遺囑

眾等咸遵

上承佛力

萬代不泯

偈曰：

人生在世若浮漚

壽夭因天莫妄求

景逼桑榆將向晚

身如蒲柳暫經秋

青雕昔日潘郎鬢

白徧當年呂望頭

世事滔滔渾不顧

夕陽西去水東流

謹序

普及門徒道場男女諸人等

Phiên âm:

Tự Đức nhị thập ngũ niên tuế thứ Nhâm Thân nhị nguyệt sơ cát nhật lập thạch tháp bi ký.

Thường văn: Chí đạo vô ngôn, chân thân vô tướng. Ứng ngôn như thạch lý âm tuyên. Hiện tướng tự vân hình ảnh hiện. Dục tồn hậu đạo kiến thử đồ ba, dĩ thù sư đức pháp nhũ ân thâm; dĩ biểu xuất gia chân tu tịnh hạnh nhĩ.

Phạn ngữ “thúy đồ ba”, thử phương vân tháp. Phù! Tháp giả, danh tiêu Nam Việt, đức quải cần khôn.

Báo Phật ân, giới tịnh tuệ viên minh. Lâm Tế kim ô như hiện ảnh [hình]. Thừa tổ sư [minh] ấn, khuông đồ lãnh chúng, kỳ di ngọc thố thế sinh liên.

Kỷ thiên tải thi trường phạn võng, sử thiện nhân xu hướng vu từ môn.

Ưc vạn thu tán tụng kim ngôn, tiếp tịnh chúng trực đăng vu bảo sở.

Thăng pháp tọa Ưu đàm hiện thụ. Nhập linh cung ngoạn thạch để đầu. Đồng liêu suy nhượng thượng tòa, chư Phật thụ truyền bảo ấn.

Đại Tạng hội thượng, thân vi đại kinh chủ đương thời. Di Đà kinh trung, mục phân tác chúng san [thử] tức thế.

Nhiễm cư trung Phúc Lâm hành đạo, quả chứng nhất thừa. Chỉ trần duyên ban thượng Niết (3) bàn, vị đăng thập địa.

Tuyên ngọc kệ thanh dao tứ hải. Xướng mộc xoa nghĩa chấn tam thiên.

Thập phương sạ thánh liên quy y. Thất chúng chung văn lai thụ giáo.

Linh phù diệu dụng, trì chú bất vong. Công vô lậu khuyết, phúc bất đường quyền. Vĩnh tạc thiên thu, lưu truyền vạn đại tịnh cần khôn vu bất hủ. Đối nhật nguyệt dĩ trường minh vân nhĩ.

Kỳ vi minh viết:

Sơn đào dẫn mạch

Thủy địa bút thần

Sùng sơn Nguyễn tử

Xả vọng quy chân

Vô sinh chỉ vị

Tính tĩnh hoài lân

Hạnh tông Ca Diệp

Giới bầm Năng Nhân

Nhĩ hà cộng ngưỡng

Chân tục đạo thân

Sà bà giáo chủ

Cực lạc dung thân

Pháp truyền phụng pháp

Ân thụ hồng ân

Tôn sư di chúc

Chúng đẳng hàm tuân

Thượng thừa Phật lực

Vạn đại bất miễn.

Kệ viết:

Nhân sinh tại thế nhược phù âu

Thọ yếu nhân thiên mặc vọng cầu

Cảnh bức tang du tương hướng văn (4)

Thân như bồ liễu tạm kinh thu

Thanh điều tích nhật Phan Lang miễn

Bạch biến đương niên Lã Vọng đầu

Thế sự thao thao hồn bất cố

Tịch dương tây khứ thủy đông lưu.

Cẩn tự.

Phổ cập môn đồ đạo tràng nam nữ chư nhân đẳng

Dịch nghĩa:

Ngày tốt đầu tháng 2 năm Nhâm Thân niên hiệu Tự Đức thứ 25, lập bi ký ở tháp đá.

Thường nghe: Đạo lớn không lời, chân thân không tướng (5). Ứng lời như âm trong đá vang ra. Hiện tướng duyên như ảnh hiện trong mây. Muốn giữ gìn đạo lớn, nên xây tháp (6), để báo đáp đức thầy ban ơn pháp nhũ (7) thâm sâu; để biểu dương kẻ xuất gia chân tu thanh tịnh đạo hạnh (8) vậy.

Tiếng Phạn gọi là “Thúy đồ ba”, là nói cái tháp vuông vậy. Ôi! Tháp, danh dương trời Nam Việt, đức đội đất trời.

Báo ơn Phật, giới tịnh tuệ sáng tròn. Lâm Tế như mặt trời (9) hiện ảnh. Kế thừa tâm ấn của tổ sư mà truyền dạy tăng đồ, tuổi đắc đạo (10) tới đài sen.

Mấy ngàn năm hoàng dương lưới Phạm (11), khiến thiện nhân rủ nhau đến cửa từ.

Muôn vạn năm tán tụng lời vàng của Phật (12), đón kẻ thanh tịnh đến thẳng nơi Niết bàn (13).

Ngồi tòa pháp tọa hoa Ưu đàm hiện sắc lành. Vào điện thiêng đá cứng cúi đầu. Đồng liêu suy tọa tòa trên, chư Phật trao truyền ấn báu.

Trên hội Đại tạng, bấy giờ bản thân thay làm kinh chủ. Trong kinh Di Đà, liền ngay phân mục để chứng san kinh.

Hành đạo trong chốn phúc lâm cõi trần thế, chúng quả nhất thừa (14), dứt trần duyên về cõi Niết bàn, ở ngôi vị Thập địa Bồ tát (15).

Tuyên kệ ngọc (16) tiếng vang bốn biển. Xướng đặc vàng nghĩa vọng tam thiên (17). Mười phương nghe tiếng liền tới quy y. Bấy chúng (18) đều nghe đến xin thụ giáo.

Linh thiêng vô thượng (19). Trì chú không thôi. Công không phai mờ. Phúc chẳng hư hao. Mãi khắc ghi ngàn năm. Truyền đến muôn đời cùng còn mãi với đất trời không bao giờ mục nát. Cùng sáng mãi với nhật nguyệt vậy.

Nên có bài minh rằng:

Núi bồi dẫn mạch

Nước sinh linh thần

Núi Sùng ông Nguyễn (20)

Bỏ vọng về chân

Vô sinh (21) mong được

Tính tĩnh (22) dẫn đường

Hạnh theo Ca Diếp

Giới nhận Thích Ca (23)

Xa gần kính ngưỡng

Chân tục (24) gần đạo

Thích Ca giáo chủ (25)

Cực lạc dung thân

Truyền pháp tin pháp

Ân nhận hồng ân

Tôn sư di chúc

Chúng đều kính tuân

Phật lực thượng thừa

Muôn kiếp không mất.

Kệ rằng: (26)

Kiếp người trên đời tựa phù âu

Thọ yếu (27) bởi trời chẳng trông cầu

Cảnh ngả cành du (28), chiều sắp muộn

Thân như bồ liễu (29) mặc sắc thu

Phan Lang xưa kia tóc xanh màu

Lã Vọng ngày nay đã bạc đầu

Việc đời cuộn cuộn thôi chẳng đoái

Bóng chiều quy tây, nước về đông

Kính cần viết tựa.

Truyền khắp cho môn đồ trong đạo tràng cùng mọi người nam nữ.

Trên tháp có câu đối:

Nguyên văn chữ Hán:

松栢生連枝; 竹梅化重葉.

Phiên âm:

Tùng bách sinh liên chi; Trúc mai hóa trùng diệp.

Dịch nghĩa:

Cây tùng, cây bách sinh cành đan liền nhau;

Cây trúc, cây mai lá mọc nhiều tầng lớp.

Ngoài hai tháp Liên Phương và Sinh Tịnh phía trước Tam quan nội, phía bên trái Tam quan nội còn khu vườn tháp chính của chùa. Hiện tại, khu vườn tháp này có 9 ngôi tháp, cụ thể như sau:

Hàng thứ nhất: 2 tháp Phổ đồng (30) và Thiệu Long tháp.

Hàng thứ 2: Phúc Nguyên tháp, Chiếu Hình tháp, Diệu Nghiêm tháp

Hàng thứ 3: Pháp Loa tháp, Điều Ngự tháp, Huyền Quang tháp

Trong đó, trên tháp Diệu Nghiêm có bia bài vị và bia gắn trên tháp ghi chép về hành trạng của Tổ (31).



Văn bia tháp Diệu Nghiêm

Bia bài vị ghi: 南無妙 嚴塔摩訶沙門傳臨濟派諱 心智號幻居釋儼儼禪師肉 身菩薩禪座下
辛巳年四 月初六日午時挺生五十三 歲保大癸酉年四月二十 五日辰時順寂歸西

Nam vô Diệu Nghiêm tháp Ma ha Sa môn truyền Lâm Tế phái húy Tâm Trí, hiệu Ảo Cư Thích Nghiễm Nghiễm thiền sư nhục thân Bồ tát thiền tọa hạ. Tân Tỵ niên tứ nguyệt sơ lục nhật Ngọ thời đĩnh sinh. Ngũ thập tam tuế Bảo Đại Quý Dậu niên tứ nguyệt nhị thập ngũ nhật thìn thời thuận tịch quy tây (Nam vô Diệu Nghiêm tháp Ma ha Sa môn truyền Lâm Tế phái tên húy Tâm Trí, tên hiệu Ảo Cư Thích Nghiễm Nghiễm thiền sư nhục thân Bồ tát thiền tọa hạ. [Sư] Sinh giờ Ngọ ngày 06 tháng 4 năm Tân Tỵ. Đến năm 53 tuổi, giờ Thìn ngày 25 tháng 4 năm Quý Dậu (1933), niên hiệu Bảo Đại thuận lễ thường quy tây).

Bia hành trạng ghi:

Nguyên văn chữ Hán:

恭聞: 福林妙嚴禪師□ 重京 挺出□ 佛子生來□ 簪笏家風□ 儒醫世業□ 齟齬出家□ 戒珠瑩 徹□ 修其心□ 修其身□ 修其 德□ 修其道□ 德之見重者也□ 與夫刊經□ 說法□ 塑像□ 修造 寺院不知其幾□ 其功德之皆著 於禪林者□ 合可銘也□

況又! 細行威儀□ 豈毫端之 可載□ 明心見性□ 非片石之能 傳□ 今法派等維念: “口生之 義□ 法乳之恩□ 稱誦功德言之 不盡何以銘為”□ 予亦銘之曰: “歷歷可銘□ 是銘□ 無銘□ 是 銘”□

峇□ 皇南保大十四年歲次己 卯仲呂月穀日□

恭請北圻佛學場正督教和尚 潘心恕撰□

福林法派全監院丁光緒號清 爍拜誌□

Phiên âm:

Cung văn: Phúc Lâm Diệu Nghiêm thiền sư, trọng kinh đỉnh xuất, Phật tử sinh lai, trâm hốt gia phong, Nho y thế nghiệp, điều sấn xuất gia, giới châu oanh triệt. Tu kỳ tâm, tu kỳ thân, tu kỳ đức, tu kỳ đạo, đức chi kiến trọng giả dã. Dữ phu san kinh, thuyết pháp, tổ tượng, tu tạo tự viện bất tri kỳ kỷ. Kỳ công đức chi giai trước ư thiền lâm giả, hợp khả minh dã.

Huống hựu! Tế hạnh uy nghi, khởi hào đoan chi khả tải. Minh tâm kiến tính, phi phiến thạch chi năng truyền. Kim pháp phái đẳng duy niệm: “Khẩu sinh chi nghĩa, pháp nhữ chi ân. Xưng tụng công đức, ngôn chi bất tận, hà dĩ minh vi”. Dư diệc minh chi viết: “Lịch lịch khả minh, thị minh. Vô minh, thị minh”.

Thời, Hoàng nam **Bảo Đại** thập tứ niên tuế thứ Kỷ Mão trọng lữ nguyệt cốc nhật.

Cung thỉnh Bắc Kỳ Phật học trường Chính đốc giáo Hòa thượng Phan Tâm Thứ soạn.

Phúc Lâm pháp phái đồng Giám viện Đình Quang Lạc hiệu Thanh Thước bái chí.

Dịch nghĩa:

Kính nghe: Thiền sư Diệu Nghiêm chùa Phúc Lâm, là bậc kiệt xuất ra đời, con Phật xuất thế, gia phong quý phái, nghiệp nhà Nho Y, tuổi nhỏ xuất gia, giới luật nghiêm tịnh thông suốt. Chú trọng việc tu tâm, tu thân, tu đức, tu đạo, là bậc coi trọng đức vậy. Đối với việc khắc kinh, thuyết pháp, tô tượng, tu tạo chùa viện đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức. Bao nhiêu công đức ấy, đối với

chốn cửa Thiền, thực đáng được khắc ghi.



Tháp Phổ đồng

Hướng hồ! Giới luật (32) uy nghi, dù một chút cũng đáng ghi chép. Minh tâm kiến tính(33), chẳng phiền đá nào có thể lưu truyền. Nay pháp phái mãi nghĩ: “Đạo nghĩa từ lời mà ra, ơn dưỡng dục chính pháp cho đệ tử(34), ca tụng công đức lời nào cho đủ, sao đủ để khắc ghi”. Ta cũng có lời minh rằng: “Rõ ràng đáng làm bài minh, đó là lời khắc ghi. Dù không làm bài minh, thì cũng phải khắc ghi”.

Ngày tốt tháng 4 năm Kỷ Mão niên hiệu Bảo Đại thứ 14 (1939).

Thỉnh mời Hòa thượng Phan Tâm Thứ Chánh đốc giáo trường Phật học Bắc Kỳ soạn.

Đồng Giám viện Phúc Lâm pháp phái Đình Quang Lạc tên hiệu Thanh Thuộc bái ghi.

Trên tháp còn 4 cặp câu đối:

1. Nguyên văn chữ Hán:

功德依然在; 精神儼若臨.

Phiên âm:

Công đức y nhiên tại;

Tinh thần nghiêm nhược lâm.

Dịch nghĩa:

Công đức thuở trước như còn đó;

Tinh thần uy nghiêm như trước mặt (34).

2. Nguyên văn chữ Hán:

福地蓮生鉢; 林門石點頭.

Phiên âm:

Phúc địa liên sinh bát;

Lâm môn thạch điểm đầu.

Dịch nghĩa:

Đất phúc hoa sen sinh người truyền pháp;

Cửa rừng đá cúi đầu nghe giảng kinh

3. Nguyên văn chữ Hán:

日月揚明耀; 花草惹芬芳.

Phiên âm:

Nhật nguyệt dương minh diệu;

Hoa thảo nhạ phân phương.

Dịch nghĩa:

Vầng nhật nguyệt cùng chiếu rọi;

Hoa cỏ phảng phất mùi hương.

4. Nguyên văn chữ Hán:

崛山無閤手崇嶺有真形.

Phiên âm:

Quật sơn vô ngại thủ;

Sùng lĩnh hữu chân hình.

Dịch nghĩa:

Non cao chẳng ngại tay khai sáng;

Núi thẳm có chân hình hiển hiện.

3. Tạm kết



Hình ảnh các tháp

Nghiên cứu văn bia tháp Tổ nhằm làm sáng tỏ công đức, hành trạng của lịch đại chư Tổ, đúng như tinh thần của bia tháp là “bia tức là thứ chỉ dành để ghi chép sự tích tu hành của bản sư vậy”. Qua nội dung 2 bia tháp (Liên Phương tháp và Diệu Nghiêm tháp) của hai vị Tổ tại chùa Phúc Lâm (Dư Hàng), ngoài việc làm rõ hành trạng của Tổ ra còn giúp hiểu thêm về những triết lý của Phật giáo được truyền lại qua văn bia. Bên cạnh đó là những di văn Hán Nôm ca ngợi công đức liên quan đến Tổ thể hiện qua câu đối trên tháp cũng góp phần thể hiện công lao của Tổ.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyển - Vũ Thanh Hà**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 03/2026

Chú thích:

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

(2) Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

(3) Nguyên bia khắc giống chữ tháp 湿, nhưng có lẽ đúng ra là chữ niết 涅.

(4) Nguyên bản khắc: Cảnh tang bức du tương hướng vãn. Câu đúng trong bài Tứ sơn kệ trong Khóa hư lục của Trần Thái Tông là: Cảnh bức tang du tương hướng vãn (đảo hai chữ tang bức ra bức tang).

(5) Chân thân của Phật là pháp thân, đó là thân của tính không, nên nó không có hình tướng. Chỉ có Pháp thân mới là hình tướng chân chính của Phật.

(6) Nguyên dịch từ chữ 堵波 Đổ ba: viết tắt 窣堵波 Tụy đổ ba, còn gọi là 巴利文 Ba lợi văn, 骨灰堆 Cốt hôi đồi,... cũng là tên gọi

khác của “tháp”. Vốn chỉ các ngôi mộ hình vòm trong các nghĩa trang ở Ấn Độ cổ xưa, sau này được Phật giáo tiếp nhận.

(7) 法乳 Pháp nhũ: sữa pháp, tức là lấy hương vị của chính pháp để nuôi dưỡng Pháp thân của đệ tử, cũng giống như sữa mẹ có

thể nuôi dưỡng con khôn lớn.

(8) Nguyên dịch từ chữ 淨行 Tịnh hạnh: đạo đức thanh tịnh, người an trú trong các công hạnh thanh tịnh.

(9) Nguyên dịch từ chữ 金烏 Kim ô: Quạ vàng, là biểu tượng của mặt trời trong thần thoại Hy Lạp và Trung Hoa xưa.

(10) Nguyên dịch từ chữ 玉兔 Ngọc thỏ: thỏ ngọc, biểu tượng cho sự trường sinh và đắc đạo trong văn hóa Trung Hoa.

(11) Phạm võng, tức là màn lưới báu ở cung trời Đại Phạm. Khi Đức Thích Ca trụ nơi cung điện của Đại Phạm Thiên Vương Ma Hê Thủ La, Ngài đã thấy lưới Nhân đà la đang giăng nơi đây, nên lấy làm dụ mà tuyên thuyết.

(12) Nguyên dịch từ chữ Kim ngôn.

(13) Nguyên dịch từ chữ 寶所 Bảo sở: là nơi chứa những châu báu; cõi giới thanh tịnh, cảnh giới màu nhiệm của người đã chứng ngộ, như Niết Bàn Vô Dư.

(14) Nhất thừa: tức Phật thừa, Phật tính. Ba thừa Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát đều nằm trong Nhất thừa (Một thừa). Một thừa Phật thừa được biểu lộ bằng ánh sáng Phật soi chiếu trùm khắp tất cả các chúng sinh, các thừa và các cõi.

(15) Thập địa: Tính từ quả vị thứ 41 đến 50 trong 52 quả vị (gồm Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác) tu hành của vị Bồ Tát. Thập Địa là 10 quả vị được thuyết trong phẩm Thập địa của kinh Hoa Nghiêm, gồm có Hoan Hỷ, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệm Huệ Địa, Cực Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Huệ Địa và Pháp Vân Địa.

(16) Kệ ngọc: câu kệ tụng quý giá như vàng ngọc.

(17) Tam thiên: tức Tam thiên đại thiên thế giới.

(18) Nguyên dịch từ chữ 七眾 Thất chúng: 7 hạng đệ tử hình thành nên giáo đoàn xuất gia và tại gia của đức Phật, gồm: (1). Tỳ

Khiêu; (2). Tỳ Khiêu Ni; (3). Sa Di; (4). Sa Di Ni; (5). Thức Xoa Ma Na; (6). Ưu Bà Tắc; (7). Ưu Bà Di.

(19) Nguyên dịch từ chữ 妙用 Diệu dụng: tức là đạo tối thượng, đạo vô thượng.

(20) Chưa rõ ý câu này.

(21) Vô sinh: trạng thái của tuyệt đối; chỉ cảnh giới Niết bàn nơi không chịu sự chi phối của sinh tử, hay luân hồi.

(22) Tính tĩnh: tự tính thanh tịnh.

(23) Dịch từ chữ 能人 Năng nhân: âm Phạn dịch Zàkya; âm Hán là Thích Ca, dịch nghĩa của Thích Ca Mâu Ni, là người có đức

nhân từ, bậc hiền nhân

(24) Túc Chân đế - người xuất gia, Tục đế - Phật tử và các cư sĩ tại gia.

(25) Phật Thích Ca được tôn xưng là Sa bà giáo chủ.

(26) Đây là bài Nhị sơn kệ trong Khóa hư lục của Trần Thái Tông.

(27) Thọ yếu: sống lâu hay ngắn.

(28) Nguyên dịch từ chữ 桑榆 Tang du: là tên một loại cây. Tương truyền ở phía cực Tây có nhiều cây Tang du, mặt trời tới đó thì

lặn. Chỉ tuổi già.

(29) Bồ liễu: tên một loài cây rất mềm, còn gọi là Thủy dương. Chỉ phái nữ, chân yếu tay mềm.

(30) Nguyên văn: 2 tháp Phổ đồng nguyên văn trên bia ghi: 福林普同塔: 保大乙卯十四年孟夏月重新紀念. 福林法派全監院字清 燦奉誌 Phức Lâm Phổ đồng tháp: Bảo Đại Ất Mão thập tứ niên mậu hạ nguyệt trùng tân kỉ niệm. Phức Lâm pháp phái đồng giám viện tự Thanh Thước Hòa Nam phụng chí.

(31) Theo thông tin ở phần giới thiệu thì bài minh ở Tháp Diệu Nghiêm là của Hòa thượng Phan Trung Thứ (Phan Tâm Thứ), đề năm Bảo Đại thứ 14 (1939)

(32) Nguyên dịch từ chữ 細行 Tế hạnh: Hoạt động của người tu hành trong cuộc sống hàng ngày đều đúng theo giới luật của nhà

Phật.

(33) Nhận rõ được cái bản tâm chân thật.

(34) Dịch từ câu 法乳 Pháp nhũ: sữa pháp, tức lấy hương vị của chính pháp để nuôi dưỡng Pháp thân của đệ tử.